

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT TIỀN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 745/BC-UBND

Cát Tiên, ngày 08 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương năm 2023
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024**

Thực hiện Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ; Văn bản số 1539/SNV-XDCQ&CTTN ngày 16/11/2023 của Sở Nội vụ về báo cáo kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương năm 2023.

UBND huyện Cát Tiên báo cáo cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

1. Hoạt động HĐND, UBND huyện, cấp xã

1.1. Đánh giá việc thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn thi hành

a. Hoạt động của HĐND huyện, cấp xã

- Trong năm 2023 của nhiệm kỳ 2021 - 2026, Thường trực HĐND huyện đã tổ chức thành công các kỳ họp HĐND huyện; Tại các kỳ họp đã thông qua ban hành các nghị quyết. Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã đã tiến hành các kỳ họp theo đúng thời gian luật định, các kỳ họp tập trung thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực hiện Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp trên, bàn và quyết định các biện pháp phát triển kinh tế- xã hội, xây dựng nông thôn mới, thực hiện nếp sống văn hóa, đồng thời thực hiện chức năng giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của HĐND, giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp,.. giám sát văn bản quy phạm pháp luật của UBND cùng cấp và cấp xã.

- HĐND huyện khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026 đã miễn nhiệm 01 Ủy viên UBND huyện, lý do: chuyển công tác khác và bầu bổ sung 01 Ủy viên UBND huyện; Phê chuẩn miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐND xã Tiên Hoàng khoá VIII, nhiệm kỳ 2021-2026. Thường trực HĐND cấp xã thực hiện quy trình đề nghị UBND huyện phê chuẩn kết quả miễn nhiệm và bầu bổ sung chức danh Chủ tịch UBND xã khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026 (xã Quảng Ngãi, xã Tiên Hoàng, xã Gia Viễn do chuyển công tác). Công tác thực hiện đảm bảo đúng quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

- Thông qua các hoạt động của HĐND cấp huyện và cấp xã, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân đã được phát huy, có tác dụng trực tiếp đến quá trình tổ

chức thực hiện Nghị quyết của HĐND. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND các cấp thực hiện đảm bảo theo chương trình, kế hoạch và đúng luật định. Qua giám sát, chỉ ra những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, từ đó giúp các cơ quan, địa phương được giám sát tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ; đồng thời, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết, khắc phục các tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện Nghị quyết số 96/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn và Văn bản số 599/UBTVQH15-CTĐB ngày 21/8/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc triển khai tổ chức lấy phiếu tín nhiệm; Kế hoạch số 391/KH-HĐND ngày 29/8/2023 của HĐND tỉnh Lâm Đồng về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân huyện, tỉnh bầu trong nhiệm kỳ 2021 - 2026; Thường trực HĐND huyện đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-HĐND ngày 11/9/2023 về lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân huyện bầu trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, theo đó đã tổ chức lấy phiếu tín nhiệm với 16 người tại kỳ họp thứ 12 đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

- Công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân được Thường trực và các Ban HĐND duy trì thường xuyên, nghiêm túc, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật góp phần ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

b. Hoạt động của UBND huyện, cấp xã

Năm 2023 là năm thứ ba thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII. Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã ban hành Chương trình hành động để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các Nghị quyết của Huyện ủy và HĐND huyện, bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII; nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất, phát huy vai trò, sức mạnh tập thể, đề cao trách nhiệm, trí tuệ cá nhân, với tinh thần quyết tâm chính trị cao tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra. Đồng thời, thường xuyên chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; thực hiện nghiêm việc kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật và khen thưởng kịp thời theo đúng quy định. Bên cạnh đó, tình hình tư tưởng các tầng lớp Nhân dân trong huyện ổn định, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tích cực lao động sản xuất phát triển kinh tế xã hội, tham gia các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn; Tình hình dân tộc, tôn giáo ổn định, không có trường hợp lợi dụng dân tộc, tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước, gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

- Tiến độ thu ngân sách đảm bảo đạt theo kế hoạch và bằng so với cùng kỳ; Giải ngân vốn đầu tư công được quan tâm, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, tiến độ giải ngân cơ bản đạt kế hoạch đề ra.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được duy trì và đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đời sống, văn hóa, xã hội của các tầng lớp Nhân dân; công tác an sinh xã hội được chú trọng, đời sống người dân được đảm bảo.

- Trong công tác tổ chức bộ máy, thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Năm 2023: UBND huyện triển khai thực hiện sáp nhập trường THCS Phù Mỹ vào trường THCS Đồng Nai (giảm 01 trường học); Đến nay, toàn huyện có 33 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó khối đơn vị sự nghiệp giáo dục: 29 đơn vị; khối sự nghiệp khác: 04 đơn vị (Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Công trình công cộng huyện; Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao; Trung tâm Nông nghiệp; Trung tâm GDNN-GDTX).

1.2. Kết quả phê chuẩn nhân sự: Số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND

Số lượng thành viên UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ và Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND cụ thể:

+ Số lượng thành viên UBND huyện được HĐND huyện bầu ra 15 thành viên, gồm: Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 12 Ủy viên UBND; về trình độ chuyên môn: Trên Đại học 06 (chiếm tỷ lệ 40%), đại học 9 (chiếm tỷ lệ 60%); Lý luận chính trị có trình độ cao cấp 13 (chiếm tỷ lệ 86,67%), trung cấp 02 (đạt tỷ lệ 13,34%). Quản lý nhà nước: Chuyên viên chính 15 người (chiếm tỷ lệ 100%).

+ Số lượng thành viên UBND cấp xã là: 41 thành viên, gồm 09 Chủ tịch (có 05 Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch UBND), 14 Phó Chủ tịch và 18 Ủy viên. Về trình độ chuyên môn: Trên đại học 03 (chiếm tỷ lệ 7,3%); Đại học 37 (chiếm tỷ lệ 90,24%); trung cấp 01 (chiếm tỷ lệ 6,67%); Lý luận chính trị: Cao cấp 05 (chiếm tỷ lệ 12,19%); Trung cấp 36 (chiếm tỷ lệ 87,80%).

(Có biểu 4.1 kèm theo)

2. Địa giới hành chính

2.1. Số lượng đơn vị hành chính trong huyện

Huyện Cát Tiên có 09 đơn vị hành chính gồm 07 xã và 02 thị trấn, trong đó cấp xã loại I có 03 đơn vị, loại II có 05 đơn vị, loại III có 01 đơn vị. Toàn huyện có 59 thôn, tổ dân phố, gồm có 21 tổ dân phố và 38 thôn (buôn).

(Có Biểu số 4.2 kèm theo)

2.2. Công tác quản lý địa giới hành chính, mốc, hồ sơ địa giới hành chính

Việc quản lý, sử dụng, lưu trữ hồ sơ, bản đồ và mốc ĐGHC của cấp huyện, cấp xã được thực hiện theo đúng quy định, xác định bộ hồ sơ, bản đồ ĐGHC và mốc ĐGHC là công cụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương để nắm được tiềm năng đất đai nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả và làm căn cứ pháp lý để giải quyết tranh chấp đất đai ở đường ĐGHC các cấp; làm cơ sở để nghiên cứu xây dựng các đề án về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh và quốc phòng. Hiện nay, chính quyền cấp huyện và cấp xã trên địa bàn huyện đã quản lý chặt chẽ hồ sơ, bản đồ, mốc ĐGHC, trong năm không có tình trạng tranh chấp về ĐGHC.

2.3. Tình hình kết quả thực hiện việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. UBND huyện đã tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy Quyết định số 646-QĐ/HU ngày 31/10/2023 về kiện toàn Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và Quyết định số 02-QĐ/BCĐ ngày 31/10/2023 về kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Kế hoạch số 134-KH/HU ngày 03/11/2023 thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 05/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 16/10/2023 về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 và Phương án tổng thể số 155/PA-UBND ngày 28/9/2023 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025; Theo đó giai đoạn 2023-2025, chỉ đạo sắp xếp đơn vị xã Đức Phổ vào thị trấn Phước Cát; Hiện nay UBND huyện đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đối với xã Đức Phổ giai đoạn 2023-2025, dự kiến trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt vào đầu quý I/2024.

3. Cán bộ, công chức cấp xã

3.1. Thực trạng cán bộ, công chức cấp xã

Thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, ở tổ dân phố; Hiện nay, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã sắp xếp, bố trí số lượng cán bộ, công chức theo đúng quy định, cụ thể:

- Về chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã: tính đến ngày 30/11/2023 là 169 người, cụ thể:

+ Đối với cán bộ chuyên trách cấp xã có 93 người, trong đó:

Trình độ chuyên môn: Trên Đại học 03 người, chiếm tỷ lệ 3,2%, đại học 77 người, chiếm tỷ lệ 82,79%; Cao đẳng 01 người chiếm tỷ lệ 1,07%, Trung cấp 11 người, chiếm tỷ lệ 11,82%, chưa qua đào tạo 01 người, chiếm tỷ lệ 1,07%. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 11 người, chiếm tỷ lệ 11,82%, trung cấp 81 người, chiếm tỷ lệ 87,09%, Sơ cấp 01 người, chiếm tỷ lệ 1,07%. Quản lý nhà nước: Chuyên viên chính 18 người, chiếm tỷ lệ 19,35%, Chuyên viên 43 người, chiếm tỷ lệ 46,23%.

+ Đối với công chức cấp xã có 76 người, trong đó:

Trình độ chuyên môn: Đại học 72 người, chiếm tỷ lệ 94,73%, Cao đẳng 01 người, chiếm tỷ lệ 1,31%, Trung cấp 03 người, chiếm tỷ lệ 3,94%. Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp 63 người, chiếm tỷ lệ 82,89%, Sơ cấp 07 người, chiếm tỷ lệ 9,21%. Quản lý nhà nước: Chuyên viên 58 người, chiếm tỷ lệ 76,3%.

(Có biểu 4.4 kèm theo)

3.2. Việc điều động công chức từ đơn vị hành chính cấp xã này sang đơn vị hành chính cấp xã khác trong cùng địa bàn

Trong năm 2023, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 12/12/2022 về điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc UBND huyện Cát Tiên năm 2023, trong đó có 02 công chức Tài chính - Kế toán cấp xã thuộc diện chuyển đổi vị trí công tác, tuy nhiên việc chuyển đổi trong quý IV/2023 sẽ ảnh hưởng đến tiến độ thanh, quyết toán niên độ ngân sách năm 2023 của UBND các xã, thị trấn nên thực hiện chuyển đổi gắn với bố trí, sắp xếp sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025.

3.3. Tình hình thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã

- Việc hiện chế độ chính sách cho cán bộ, công chức cấp xã được đảm bảo, kịp thời, đúng quyền lợi theo quy định; trên cơ sở đề nghị của UBND các xã, thị trấn, UBND huyện đã trình Sở Nội vụ thẩm định, thống nhất chuyển xếp lương 17 cán bộ, công chức cấp xã thay đổi trình độ chuyên môn; thống nhất chuyển 01 cán bộ chuyên trách thành công chức cấp xã. Cho nghỉ thôi việc đối với 02 công chức cấp xã. Quyết định nâng bậc lương theo niên hạn cho 51 cán bộ, công chức cấp xã. Quyết định xếp lương cho 17 cán bộ, công chức cấp xã khi có thay đổi về trình độ chuyên môn

- Về đào tạo, bồi dưỡng: Hàng năm, thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh được Tỉnh ủy phê duyệt và trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của UBND huyện, UBND cấp xã đã cử cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

3.4. Đánh giá cán bộ, công chức cấp xã

Việc đánh giá, xếp loại đối với cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện dân chủ, khách quan, minh bạch, công bằng, không nể nang, trù dập, thiên vị, hình thức;

bảo đảm đúng thẩm quyền quản lý, đánh giá cán bộ, công chức theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ, Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ, chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Nội vụ, việc đánh giá, xếp loại được căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể; đối với Chủ tịch UBND cấp xã phải gắn với kết quả đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở, công tác dân vận chính quyền và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương; Bí thư Đảng ủy phải gắn với kết quả đánh giá thực hiện của tổ chức Đảng.

Tính đến ngày 30/11/2023, tổng số CBCC cấp xã đã đánh giá: 156/169 người, trong đó có 13 cán bộ thuộc thẩm quyền đánh giá của Chủ tịch UBND huyện đang trong quá trình Phòng Nội vụ thẩm định, đề xuất.

- Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức cấp xã

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số CBCC đã đánh giá	Đánh giá, phân loại				
			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	Không đủ điều kiện đánh giá
1	Thị trấn Cát Tiên	21	3	17	1		
2	Thị trấn Phước Cát	17	1	16			
3	Quảng Ngãi	19	6	12	1		
4	Đức Phổ	16	4	12			
5	Gia Viễn	20	1	16	1	1	1
6	Tiên Hoàng	15	4	11			
7	Nam Ninh	18	3	15			
8	Phước Cát 2	16	3	13			
9	Đồng Nai Thượng	14	3	10	1		
Tổng số		156	28	122	4	1	1

4. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố

4.1. Số lượng, chất lượng

- Về số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Tổng số 69 người. Trong đó: trình độ chuyên môn: Đại học 36 người; chiếm tỷ lệ 52,17%; Cao đẳng 6 người, chiếm

tỷ lệ 8,6%; Trung cấp 10 người, chiếm tỷ lệ 14,49%; Sơ cấp 1 người, chiếm tỷ lệ 1,4%; Chưa qua đào tạo 16 người, chiếm tỷ lệ 23,18%. Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp 37 người, chiếm tỷ lệ 53,62%; Sơ cấp 9 người, chiếm tỷ lệ 13,04%; chưa qua đào tạo 23 người, chiếm tỷ lệ 33,34%.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (*Bí thư Chi bộ; thôn trưởng, Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận*): 164 người, trong đó: Trình độ văn hóa: THPT 60 người, chiếm tỷ lệ 36,58%; THCS 87 người, chiếm tỷ lệ 53,04%, Tiểu học: 17 người, chiếm tỷ lệ 10,36%. Trình độ chuyên môn: Đại học 04 người, chiếm tỷ lệ 2,4%; Trung cấp 36 người, chiếm tỷ lệ 21,95%, Sơ cấp 04 người, chiếm tỷ lệ 2,4%; Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp 37 người, chiếm tỷ lệ 22,56%; Sơ cấp 33 người, chiếm tỷ lệ 20,12%.

- Số lượng lực lượng khác ở thôn, tổ dân phố: Toàn huyện có 218 người, trong đó: Phó trưởng thôn, Phó tổ trưởng tổ dân phố: 23 người; Công an viên: 39 người; Ban bảo vệ dân phố, Tổ bảo vệ dân phố: 79 người; Nhân viên Y tế thôn - bản: 35 người; Thôn đội trưởng, tổ đội trưởng: 42 người.

(Có Biểu số 4.4 kèm theo)

4.2. Tình hình thực hiện chế độ, chính sách

Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện Chế độ người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết số 188/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 148/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 188/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh; Các chế độ được giải quyết kịp thời, thỏa đáng, không có trường hợp đơn thư.

- Trong năm 2023, UBND huyện đã giải quyết chế độ nghỉ thôi việc đối với 03 người nghỉ việc theo nguyện vọng.

5. Thôn, tổ dân phố

5.1. Số lượng thôn, tổ dân phố, tình hình tổ chức

Toàn huyện có 59 thôn, buôn và tổ dân phố (21 tổ dân phố và 36 thôn, 02 buôn), trong đó: có 16 thôn, tổ dân phố (07 tổ dân phố, 09 thôn) đảm bảo quy mô số hộ gia đình; 08 thôn (06 thôn, 02 buôn) có quy mô số hộ gia đình dưới 50% theo quy định; 35 thôn, tổ dân phố (13 tổ dân phố, 22 thôn) có quy mô số hộ gia đình từ 50% đến dưới 100%.

(Có Biểu số 4.3 kèm theo)

- Về hoạt động của thôn, tổ dân phố: Hội nghị của thôn, tổ dân phố được tổ chức định kỳ một năm 02 lần (vào giữa năm và cuối năm) và có thể họp bất thường. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì với thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Tại hội nghị Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo những công việc để nhân dân trong thôn, tổ dân phố bàn bạc và quyết định trong phạm vi thôn, tổ dân phố, nội dung cụ thể như: Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; phát triển sản xuất, xây

dựng cơ sở hạ tầng... Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đã thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Thông tư 14/2018/TT-BNV của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Thực hiện Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện công tác bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhiệm kỳ 2023-2028 đảm bảo theo quy định. UBND cấp xã đã phối hợp với UBMTTQ Việt Nam cùng cấp và chi bộ, Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố thống nhất về quy trình hiệp thương giới thiệu danh sách ứng cử viên, tổ chức các buổi hội nghị cử tri đảm bảo tỷ lệ cử tri đại diện hộ gia đình tham gia bầu cử theo quy định. Việc lựa chọn bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố bằng hình thức bầu cử trực tiếp từ đại diện hộ gia đình thông qua hình thức bỏ phiếu kín hoặc hình thức biểu quyết tại hội nghị đã phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, lựa chọn được người có tâm huyết, sức khỏe, nhiệt tình, tận tụy với công việc, có uy tín đối với Nhân dân, có năng lực để triển khai thực hiện công việc của thôn, tổ dân phố; việc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đã thể hiện trách nhiệm của người dân đối với việc xây dựng chính quyền cơ sở, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao.

Thực hiện chế độ, chính sách, giải quyết đơn thư đối với người hoạt động không chuyên trách; người tham gia trực tiếp công việc và lực lượng khác ở thôn, tổ dân phố: UBND các xã, thị trấn đã thực hiện kịp thời chế độ, chính sách đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách; người tham gia trực tiếp công việc và lực lượng khác ở thôn, tổ dân phố theo đúng quy định.

- Về phân loại thôn, tổ dân phố: Thực hiện Nghị quyết số 188/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng, UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn phối hợp với Công an huyện, Chi cục Thống kê triển khai tổ chức rà soát số liệu về hộ gia đình đăng ký thường trú và tạm trú thường xuyên theo từng thôn, tổ dân phố, lập hồ sơ đề nghị phân loại thôn, tổ dân phố theo đúng quy định tại Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND; Trên cơ sở đó, UBND huyện đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, thống nhất phân loại thôn, tổ dân phố theo quy định, kết quả phân loại như sau:

- + Thôn, tổ dân phố loại 1: Gồm có 01 thôn và 02 tổ dân phố;
- + Thôn, tổ dân phố loại 2: Gồm có 10 thôn và 06 tổ dân phố;
- + Thôn, tổ dân phố loại 3: Gồm có 27 thôn và 13 tổ dân phố.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền, HĐND - UBND huyện và cấp xã đã tổ chức tốt việc triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào đời sống thực tiễn của địa phương; công tác xây dựng, kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả được chú trọng đẩy mạnh.

Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy định; đội ngũ cán bộ, công chức đã có những chuyển biến tích cực về nhận thức quan điểm, tư tưởng; năng lực, trình độ chuyên môn ngày càng nâng cao, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao.

2. Tồn tại, hạn chế

Vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất UBND huyện chủ trương, giải pháp giải quyết những vấn đề nảy sinh thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

3. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế

Công tác phối hợp giữa các ngành với địa phương có việc còn chậm, chưa chặt chẽ, đồng bộ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

1. Bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 13/8/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ VIII và các chương trình, kế hoạch, đề án giai đoạn 2020-2025, khắc phục các tồn tại, hạn chế năm 2023, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020-2025. Tiếp tục tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND, UBND huyện và cấp xã nhằm thực hiện tốt vai trò đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền làm chủ của nhân dân. Tăng cường vai trò giám sát của HĐND, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội đối với hoạt động của UBND trong việc thực hiện các chủ trương chính sách, pháp luật, kế hoạch, Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND cấp huyện và cấp xã. Tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025 theo Phương án, Đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao ý thức phục vụ Nhân dân; tăng cường đối thoại giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo thực hiện công tác dân vận và quy chế dân chủ ở cơ sở. Xây dựng phong cách, lề lối làm việc của cán bộ công chức trong giao tiếp, ứng xử với dân trong giải quyết các công việc theo yêu cầu nhiệm vụ được giao.

3. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các nội quy, quy chế, quy định của từng cơ quan, đơn vị cho phù hợp với quy định của pháp luật, gắn việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; kịp thời phát hiện các mô hình, điển hình thực hiện tốt công tác dân vận và quy chế dân chủ ở cơ sở của các tập thể, cá nhân để tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng và kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhất là việc thực hiện dân chủ, thi đua “Dân vận khéo” trong chương trình xây dựng nông thôn mới. nêu cao tinh thần, trách nhiệm trong công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở cơ quan, đơn vị.

4. Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động, triển khai thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Huy động mọi nguồn lực xã hội và sức dân trong xây dựng nông thôn mới đảm bảo dân chủ, tôn trọng lắng nghe và tiếp thu ý kiến của các tầng lớp Nhân dân; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về thông báo, công khai để Nhân dân biết; những nội dung Nhân dân bàn và quyết định; những nội dung phải lấy ý kiến Nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; những nội dung Nhân dân giám sát... phát huy sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh.

5. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định. Phối hợp tổ chức, có kế hoạch về cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do các cấp, các ngành tổ chức. Đảm bảo các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; thực hiện tốt công tác quản lý, lưu trữ, khai thác hồ sơ cán bộ, công chức theo quy định.

6. Tăng cường công tác tiếp dân, tổ chức đối thoại, giải quyết các kiến nghị của công dân theo quy định. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông trên địa bàn huyện.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của UBND huyện Cát Tiên./

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- HĐND và UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Văn

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HĐND VÀ UBND CẤP HUYỆN, CÁN BỘ CÔNG CHỨC CẤP XÃ

(Tính đến ngày 05/12/2023)

(kèm theo Báo cáo số: HA/BC-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện)

Biểu 1

Stt	Họ và tên	Nơi sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Chức vụ hiện nay	Nhiệm kỳ	Trình độ							Ngạch	Bậc	Hệ số	Phụ cấp chức vụ
		Nam	Nữ				Ngày vào	Chính thức			Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	21	22	23
A CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN																					
1	Dương Hùng Cường	18/10/1966		xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Kinh	Không	17/2/1996	17/2/1997	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy - CT. HĐND huyện	2021-2026	12/12	Đại học sư phạm hoá học	CC	CVC	A	B		01.002	4/8	5,42	0.7
2	Nông Văn Thành	14/3/1964		Xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.	Nùng	Không	11/4/1996	11/4/1997	Phó Chủ tịch HĐND	2021-2026	10/10	Đại học sư phạm Lịch sử	CN	CVC		B (Nga)		01.003	9/9	4.98	0.6
B CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN																					
1	Nguyễn Hoàng Phúc	25/02/1972		Xã Thạch Tân, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Không	11/9/1992	11/9/1993	Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Thạc sỹ quản lý kinh tế	CC	CVC	A	B	Mạ	01.002	3/8	5,08	0,7
2	Bùi Văn Văn	30/1/1967		Xã Phở Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	25/12/1995	25/12/1996	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Tài chính ngân hàng	CC	CVC	B	B	Mạ	01.003	8/9	4,65	0.6
3	Nguyễn Cao Trí	16/6/1979		xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	11/10/2008	11/10/2009	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Điện khí hóa và cung cấp điện	CC	CVC	UDCB	C	Mạ	01.002	1/8	4,40	0.6
C DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ																					
I Thị trấn Cát Tiên (22/22)																					
1	Trần Đình Thái	2/11/1975		xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	20/01/2002	20/01/2003	Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch	2021-2026	12/12	Thạc sỹ tài chính ngân hàng	CC	CVC	B	B1	Mạ	01.002	1/8	4.40	0.3
2	Ngô Hồng Hà	12/10/1964		Xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	30/5/1998	30/5/1999	Phó Bí thư Đảng ủy	2020-2025	12/12	Đại học Khuyến nông và Phát triển nông thôn	TC	CV	A	B		01.003	5/9	3.66	0.25
3	Ninh Văn Tha	10/7/1967		Thị trấn Cát thành, huyện Trưc Ninh, tỉnh Nam Định	Kinh	Công giáo	02/8/1988	02/8/1989	Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Luật Kinh tế	TC	CVC	A	B		01.003	3/9	3,00	0,25
4	Trần Văn Ngọc	2/3/1978		Xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Kinh	Không	31/10/2001	31/10/2002	Phó Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	4/9	333	0.2
5	Phạm Văn Chung	2/1/1971		Xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Kinh	Không	28/5/2003	28/5/2004	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	3/9	3.00	0.2
6	Đào Thị Lê		8/9/1986	xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Kinh	Không	02/01/2007	02/01/2008	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Thạc sỹ lý luận và lịch sử nhà nước	TC	CV	A	B1	Mạ	01.003	2/9	2.67	0.2
7	Long Văn Mùi	4/5/1978		Xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Nùng	Không	8/10/2002	8/10/2003	Chủ tịch Hội ND	2018-2023	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	2/9	2,67	0.15

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Chức vụ hiện nay	Nhiệm kỳ	Trình độ										
		Nam	Nữ				Ngày vào	Chính thức			Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc	Ngạch	Bậc	Hệ số	Phụ cấp chức vụ
8	Nguyễn Thị Nương		15/9/1981	Xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Kinh	Không	1/6/2003	1/6/2004	Chủ tịch UBMTTQ	2019-2024	12/12	Đại học Khuyến nông và Phát triển nông thôn	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	3/9	3,00	0.2
9	Nông Văn Khánh	8/11/1965		Xã Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Tày	Không	27/6/2004	27/6/2005	Chủ tịch Hội CCB	2022-2027	12/12	Trung cấp Nông nghiệp	TC	Chưa ĐT	A			01.005	9/12	3,46	0.15
10	Nguyễn Thị Kim Cương		10/11/1980	Xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	4/7/2011	4/7/2012	Chủ tịch Hội LHPN	2021-2026	12/12	Đại học Luật Kinh tế	TC	Chưa ĐT	B	B	Mạ	01.003	1/9	2,34	0.15
11	Phạm Thị Hồng		05/5/1991	Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	20/12/2012	20/12/2013	Bí thư Đoàn TNCS HCM	2022-2027	12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	B	Mạ	01.003	1/9	2.34	0.15
12	Nguyễn Quang Văn	8/12/1970		Xã Mỹ Thọ - huyện Phù Mỹ - tỉnh Bình Định	Kinh	Không	2/9/2012	2/9/2013	Công chức Văn phòng - Thống kê		12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B		01.003	4/9	3,33	
13	Trần Xuân Việt	12/7/1991		xã Hải Hòa - huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định	Kinh	Không	3/8/2011	3/8/2012	Công chức Địa chính, xây dựng đô thị và môi trường		12/12	Đại học QLĐĐ	TC	CV	A	B	Mạ	01.004	2/10	2.41	
14	Ngô Quốc Công	9/9/1984		xã Mỹ Thọ - huyện Phù Mỹ - tỉnh Bình Định	Kinh	Không	11/11/2005	11/11/2006	Công chức Địa chính, xây dựng đô thị và môi trường		12/12	Đại học QL Đất đai	TC	Chưa ĐT	A	B		01.003	4/9	3,33	
15	Đặng Văn San	22/8/1974		xã Hải Cường - huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định	Kinh	Không	16/4/1998	17/4/1998	Công chức Tư pháp - hộ tịch		9/12	Đại học Luật Kinh tế	SC	CV	A	B		01.003	4/9	3,33	
16	Hoàng Xuân Cường	24/9/1977		xã Hải Thịnh - huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định	Kinh	Không	03/11/2000	03/11/2001	Công chức Tư pháp - hộ tịch		12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	3/9	3,00	
17	Nguyễn Thị Thu Hà		23/5/1989	Xã Phước Thành - huyện Tuy Phước - tỉnh Bình Định	Kinh	Không	4/3/2014	4/3/2015	Công chức Tài chính - Kế toán		12/12	Đại học Kế toán	TC	Chưa ĐT	A	B	Mạ	01.003	3/9	3,00	
18	Lê Thị Ngọc Trang		23/8/1990	xã Triệu Lăng - huyện Triệu Phong - tỉnh Quảng Trị	Kinh	Không	29/9/2015	29/9/2016	Công chức Văn hóa - xã hội		12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	2/9	2.67	
19	Đỗ Thị Quý Hoi		5/8/1983	xã Chính Lý - huyện Lý Nhân - tỉnh Hà Nam	Kinh	Không	01/10/2002	01/10/2003	Công chức Văn hóa - xã hội		12/12	Đại học Nông học	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	3/9	3,00	
20	Hoàng Thị Cúc		4/10/1972	xã Võ Liệt - huyện Thanh Chương - tỉnh Nghệ An	Kinh	Không	3/10/2002	3/10/2003	Công chức Văn phòng - thống kê		12/12	Trung cấp Văn thư - LT	TC	Chưa ĐT	A			01.005	4/12	2.46	
21	Hồ Thị Hạnh		9/6/1980	xã Quảng Thọ - TP Sầm Sơn - tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Không	07/11/2004	07/11/2005	Công chức Văn hóa - xã hội		12/12	Đại học CTXH	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	3/9	3,00	
22	Nguyễn Thanh Trong	20/8/1986		xã Mỹ Tài - huyện Phù Mỹ - tỉnh Bình Định	Kinh	Không	3/2/2007	3/2/2008	Chỉ huy trưởng BCHQS		12/12	Đại học Luật kinh tế	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	3/9	3,00	
II Thị trấn Phước Cát (18/22)																					
1	Đoàn Ngọc Nam	12/10/1964		xã Cát Nhon - huyện Phù Cát - tỉnh Bình Định	Kinh	Không	03/02/1995	03/02/1996	Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học nông nghiệp	TC	CVC	B	B	Mạ	01.003	7/9	4,32	0,3
2	Lê Văn Tuyển	27/9/1976		Xã Thượng Trưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	không	3/9/2003	3/9/2004	Phó Bí thư Đảng ủy	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CVC	B	B		01.003	5/9	3.66	0.25
3	Nguyễn Văn Dũng	20/10/1981		xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	02/11/2013	02/11/2014	Phó Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	2/9	2,67	0,2
4	Đặng Thị Thu Lan		24/02/1980	xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	Kinh	Không	03/8/2011	03/8/2012	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	3/9	3,00	0,2

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Chức vụ hiện nay	Nhiệm kỳ	Trình độ							Ngạch	Bậc	Hệ số	Phụ cấp chức vụ
		Nam	Nữ				Ngày vào	Chính thức			Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc				
5	Lê Quang Khánh	10/2/1989		Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	02/11/2013	02/11/2014	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Nông học	TC	CV	A	B		01.003	1/9	2,34	0,2
6	Bế Ích Từ	1/10/1965		Xã Độc Lập, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Tày	Không	28/2/1997	28/2/1998	Chủ tịch Ủy ban MTTQVN	2019-2024	12/12	Trung cấp Hành chính	TC	Chưa ĐT	Chưa ĐT	Chưa ĐT		01.005	8/12	3.26	0.2
7	Phan Văn Thành	12/4/1993		huyện Phù Cát - tỉnh Bình Định	Kinh	Không	6/6/2021	6/6/2022	Chủ tịch Hội Nông dân	2018-2023	12/12	Đại học Kỹ sư nuôi trồng thủy sản	TC	Chưa ĐT	A	B	Mạ	01.003	1/9	2.34	0.15
8	Bế Văn Tinh	21/5/1969		Xã Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	Tày	Không	19/5/2005	19/5/2006	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	2022-2027	12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	A2		01.003	2/9	2.67	0.15
9	Bế Thị Bời		14/4/1986	xã Vũ Loan, huyện Na Rỳ, tỉnh Bắc Kạn	Tày	Không	22/10/2008	22/10/2009	Chủ tịch Hội LHPN	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	B	B	Mạ	01.003	1/9	2.34	0.15
10	Nguyễn Thị Xuân Hòa		16/02/1995	Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	3/7/2019	3/7/2020	Bí thư Đoàn TNCS HCM	2002-2027	12/12	Đại học Công tác xã hội	TC	Chưa ĐT	B	B	Mạ	01.003	2/9	2.67	0.15
11	Hồ Thị Kim Thủy		12/7/1971	xã Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Kinh	Không			Công chức Văn phòng - Thống kê		12/12	Đại học Luật	SC	Chưa ĐT	B	A2		01.003	4/9	3.33	
12	Lý Khánh Hoàn	19/6/1987		Xã Kim Lư, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	Nùng	Không	6/7/2016	6/7/2017	Công chức Văn phòng - Thống kê		12/12	Đại học quản lý nhà nước	TC	CV	B	B	Mạ	01.003	2/9	2.67	
13	Hoàng Văn Triều	26/06/1967		Xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Nùng	Không	26/3/2013	26/3/2014	Công chức Địa chính, xây dựng đô thị và môi trường		12/12	Trung cấp Quản lý đất đai	TC	Chưa ĐT	A		Mạ	01.005	9/12	3.46	
14	Phạm Hồng Vũ	13/2/1989		Xã Cát Minh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	16/10/2015	16/10/2016	Công chức Địa chính, xây dựng đô thị và môi trường		12/12	Đại học Nông học	TC	CV	B	B	Mạ	01.003	1/9	2.34	
15	Nguyễn Thị Vĩnh		30/7/1989	xã Tam Thang, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Kinh	Không	10/3/2017	10/3/2018	Công chức Văn hóa - Xã hội		12/12	Đại học Giáo dục chính trị	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	2/9	2.67	
16	Nguyễn Thị Thu Vân		6/8/1989	xã Cát Lâm, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	20/4/2016	20/4/2017	Công chức Tài chính - Kế toán		12/12	Cao đẳng Kế toán	TC	CV	A	B	Mạ	06.032	3/10	2.72	
17	Đinh Thế Minh	9/9/1989		xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	6/8/2016	6/8/2017	Công chức Tư pháp - Hộ tịch		12/12	Đại học Luật	TC	CV	TC	B		01.003	3/9	3	
18	Trần Văn Tiên	21/11/1982		Xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Kinh	không	23/10/2004	23/10/2005	Chỉ huy trưởng BCHQS		12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	A		01.003	1/9	2.34	
III Xã Quảng Ngãi (20/20)																					
1	Thạch Nguyễn Minh Cường	21/11/1986		Phổ Nhơn, Đức Phổ, Quảng Ngãi	Kinh	Không	11/12/2012	11/12/2013	Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND	2021-2025	12/11	Đại học Kế toán	CC	CVC	A	B	Mạ				
2	Nguyễn Văn Biên	7/5/1971		xã Phổ Văn - huyện Đức Phổ - tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	18/10/2001	18/10/2002	Phó Bí thư Đảng ủy	2021-2026	12/12	Đại học Nông học	TC	CV	A	Chưa ĐT	Mạ	01.003	1/9	2,34	0,25
3	Nguyễn Văn Khôi	01/10/1966		Xã Gia Minh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	28/12/2002	28/12/2003	Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Kế toán	TC	CVC	B	B		01.003	6/9	3.99	0.25
4	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		17/2/1982	Xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	9/6/2008	9/6/2009	Phó Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Luật kinh tế	TC	CV	B	B		01.003	3/9	3.00	0.2
5	Nguyễn Thị Hạnh		21/9/1984	Xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	27/6/2010	27/6/2011	Phó chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Luật KT	TC	CV	B	B	Mạ	01003	3/9	3,00	0.2

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Chức vụ hiện nay	Nhiệm kỳ	Trình độ										
		Nam	Nữ				Ngày vào	Chính thức			Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc	Ngạch	Bậc	Hệ số	Phụ cấp chức vụ
6	Vũ Văn Nguyễn	22/6/1984		xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	13/9/2003	13/9/2004	Phó chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Luật KT	TC	CV	B	B		01003	3/9	3,00	0.2
7	Nguyễn Thái Học	10/6/1972		Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	16/4/2009	16/4/2010	Chủ tịch Ủy ban MTTQVN	2018-2023	12/12	Đại học Nông học	TC	CV	A	B		01003	2/9	2.67	0.20
8	Nguyễn Hữu Mùa	15/8/1967		xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	14/10/2008	14/10/2009	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	2022-2027	12/12	Trung cấp hành chính	TC	Chưa ĐT	A	Chưa ĐT		01005	5/12	2.66	0.15
9	Lê Thị Tươi		15/9/1987	Xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Không	1/10/2015	1/10/2016	Chủ tịch Hội LHPN	2021-2026	12/12	Đại học thư viện và thông tin	TC	CV	B	B		01003	3/9	3.00	0.15
10	Đồng Hoài An	20/6/1983		Xã Nghĩa Đồng, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	16/4/2010	16/4/2011	Chủ tịch Hội Nông dân	2018-2023	12/12	Đại học khuyến nông và phát triển Nông lâm	TC	CV	B	B	Mạ	01003	3/9	3.00	0.15
11	Lại Hoàng Nhựt	10/6/1989		Phường Phổ Cường, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	21/4/2011	21/4/2012	Bí thư Đoàn THCS HCM	2022-2027	12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B	Mạ	01003	2/9	2.67	0.15
12	Phan Ngọc Đông	3/8/1994		huyện Gia Viễn - tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	3/9/2019	3/9/2020	Công chức Địa chính Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường		12/12	Đại học Quản lý đất đai	SC	CV	B	B		01003	2/9	2.67	
13	Lê Thị Hòa		30/6/1970	huyện Khoái châu -tỉnh Hưng Yên	Kinh	Không	6/9/2011	6/9/2012	Công chức Tư pháp Hộ tịch		12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	B		01003	3/9	3.00	
14	Triệu Quỳnh Hoa		10/12/1976	huyện Đại Từ- tỉnh Thái Nguyên	Tây	Không	3/12/1998	3/12/1999	Công chức Tư pháp Hộ tịch		12/12	Đại học Luật KT	TC	CV	B	B		01003	5/9	3.66	
15	Nguyễn Bá Hưng	22/10/1979		huyện Gia Viễn - tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	27/3/2003	27/3/2004	Công chức Văn phòng Thống kê		12/12	Đại học Luật KT	TC	CV	A	B		01003	3/9	3.00	
16	Trần Nam Phong	9/2/1993		huyện Phú Mỹ- tỉnh Bình Định	Kinh	Không			Công chức Văn phòng Thống kê		12/12	Đại học Tài chính Ngân hàng	SC	CV	B	B		01003	2/9	2.67	
17	Trần Thị Kim Cúc		04/11/1990	thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	12/12/2018	12/12/2019	Công chức Văn hóa Xã hội		12/12	Đại học Việt Nam học	TC	CV	B	B	Mạ	01003	3/9	3.00	
18	Đặng Thị Dinh		09/09/1987	huyện Khoái châu -tỉnh Hưng Yên	Kinh	Không	31/8/2013	31/12/2014	Công chức Tư pháp - Hộ tịch		12/12	Đại học Công tác xã hội	TC	CV	B	B	Mạ	01003	2/9	2.67	
19	Nguyễn Trọng Ứng	15/12/1971		huyện Trục Ninh- tỉnh Nam Định	Kinh	Không	31/1/2008	31/1/2009	Công chức tài chính Kế toán		12/12	Đại học Tài chính	TC	CV	A	B		06031	5/10	3.66	
20	Nguyễn Trọng Hoi	03/02/1983		huyện Lý nhân - tỉnh Hà Nam	Kinh	Không	17/11/2009	17/11/2010	Chỉ huy trưởng BCHQS		12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01003	5/9	3.66	
IV	Xã Gia Viễn (22/22)																				
1	Trần Quốc Huy	24/6/1975		Xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	9/8/1998	9/8/1999	Bí thư - Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	CC	CVC	B	B	Mạ	01.003	4/9	3,33	0.3
2	Trần Thế Hùng	22/12/1976		Xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	15/6/2004	15/6/2005	Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B		01.003	5/9	3,66	0.25
3	Đinh Thị Thảo		1/11/1984	xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	24/9/2006	24/9/2007	Phó Bí thư Đảng ủy	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CVC	B	B	Mạ	01.003	3/9	3	0.25
4	Phan Văn Tiếp	27/10/1983		Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	20/6/2014	20/6/2015	Phó chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B	Mạ	01.003	3/9	3,00	0.2

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Chức vụ hiện nay	Nhiệm kỳ	Trình độ							Ngạch	Bậc	Hệ số	Phụ cấp chức vụ
		Nam	Nữ				Ngày vào	Chính thức			Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc				
5	Nguyễn Thị Loan		20/5/1983	xã Gia Trăn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	3/11/2011	11/3/2012	Phó chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Thủy sản	CC	CVC	B	B	Mạ	01.003	5/9	3,66	0.2
6	Vũ Đức Hạnh	6/1/1987		xã Gia hòa - huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	9/9/2008	9/9/2009	Phó chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Nông học	TC	CV	A	A	Mạ	01.003	3/9	3	0.2
7	Trần Đức Tuấn	25/10/1968		Xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	7/11/2003	7/11/2004	Chủ tịch Ủy ban MTTQVN	2019-2024	12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	A		01.003	4/9	3.33	0.2
8	Đình Danh Ly	12/5/1983		xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	21/1/2005	21/1/2006	Văn phòng - Thống kê	2022-2027	12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	B		01.003	2/9	2.67	
9	Đỗ Danh.Thắng	9/7/1987		Xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	23/8/2014	23/8/2015	Chủ tịch Hội Nông dân	2018-2023	12/12	Đại học điện dân dụng	TC	CV	B	B	Mạ	01.003	2/9	2.67	0.15
10	Nguyễn Huy Hùng	32747		xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn , tỉnh NB	Kinh	Không	15/9/2011	15/9/2012	Bí thư đoàn	2022-2027	12/12	Đại học NN	TC	CV	A		Mạ	01.003	1/9	2.34	0.15
11	Vũ Thanh Tùng	2/2/1991		Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	28/5/2016	28/5/2017	Chủ tịch Hội CCB	2022-2027	12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	A		01.003	1/9	1.34	0.15
12	Đặng Thị Thu Hiền		6/8/1982	xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	8/4/2009	8/4/2010	Chủ tịch Hội LHPN	2021-2026	12/12	Trung cấp văn thư - Lưu trữ	TC	Chưa ĐT	A	A	Mạ	01.005	4/12	2.46	0.15
13	Đình Văn Nguyên	10/8/1983		xã Gia Lạc huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	20/11/2003	20/11/2004	Công chức Văn phòng Thống kê		12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	B		01.005	8	3.26	
14	Lê Thị Hoa		1/2/1990	xã Bình An- huyện Lộc Hà- tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Không	3/10/2018	3/10/2019	Công chức Tư pháp hộ tịch		12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	B		01.003	2	2.67	
15	Trần Thế Cường	10/10/1995		xã Gia Thắng huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	3/8/2015	3/8/2016	Chỉ huy trưởng BCHQS		12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	B	B		1,004	2	2.41	
16	Lê Trung Thứ	20/2/1989		xã Gia Phương, huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	9/9/2009	9/9/2010	Công chức Văn hóa Xã hội		12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	A	Mạ	01.003	2/9	2.67	
17	Nguyễn Huy Thuần	10/11/1971		xã Gia Trăn huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	21/7/1996	21/7/1997	Công chức Văn hóa Xã hội		12/12	Đại học Luật	SC	Chưa ĐT	B	B		01.003	3	3.0	
18	Mai Thị Thắm		14/4/1987	xã Thị Ngong huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định	Kinh	Không			Công chức Tư pháp Hộ tịch		12/12	Đại học Luật	Chưa ĐT	CV	B	B		01.003	2	2.67	
19	Vũ Thị Linh		5/11/1993	xã Cát Thành huyệnTrực Ninh tỉnh Nam Định	Kinh	Không	3/5/2018	3/5/2019	Công chức Địa chính Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường		12/12	Đại học Nông học	TC	Chưa ĐT	B	B		01.003	2/9	2.67	
20	Hoàng Văn Chính	13/10/1982		xã Chính Lý huyện Lý Nhân - tỉnh Hà Nam	Kinh	Không	29/5/2003	29/5/2004	Công chức Địa chính Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường		12/12	Đại học quản lý đất đai	SC	Chưa ĐT	A	B		01.005	7/12	3,06	
21	Nguyễn Ánh Thư		20/10/1990	xã Tư Nghĩa thành phố Quảng Ngãi tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	19/12/2016	19/12/2017	Công chức tài chính Kế toán		12/12	Đại học Kế toán	TC	CV	B	B		06.031	2	2.67	
22	Đình Hồng Ngọc		26/3/1990	xã Gia Lạc huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	3/10/2018	3/10/2019	Công chức tài chính Kế toán		12/12	Đại học Tài chính Ngân hàng	TC	CV	A	B		01.003	2	2.67	
V	Xã Nam Ninh (19/20)																				
1	Hà Hải Long	17/11/1970		xã Gia Minh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	2/3/2001	2/3/2002	Bí thư - Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	CC	CVC	A	B		01.003	5/9	3.66	0.3
2	Mai Văn Tam	4/4/1974		xã Trực Mỹ huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định	Kinh	Không	22/10/2005	22/10/2006	Phó Bí thư Đảng ủy	2020-2025	12/12	Đại học Luật	TC	CVC	A	B		01.003	4	3,33	0.25

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Chức vụ hiện nay	Nhiệm kỳ	Trình độ							Ngạch	Bậc	Hệ số	Phụ cấp chức vụ
		Nam	Nữ				Ngày vào	Chính thức			Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc				
3	Phạm Văn Chương	16/1/1970		xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Kinh	Không	15/6/2004	15/6/2005	Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	CC	CVC	A	B		01.003	4/9	3,33	0.25
4	Trần Thị Phương		4/7/1975	xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Kinh	Không	5/6/2007	5/6/2008	Phó Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	Chưa DT	A	B		01.003	4/9	3,33	0.2
5	Phạm Văn Bình	15/5/1972		Xã Trục Đạo, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định	Kinh	Không	9/2/1997	9/2/1998	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Nông học	TC	CV	A	B		01.003	6/9	3,99	0.2
6	Nguyễn Văn Thành	21/10/1980		Xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định	Kinh	Không	11/5/2002	11/5/2003	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	4/9	3,33	0.2
7	Nguyễn Văn Thanh	2/2/1979		xã Chấn Hưng huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Không	23/1/2006	23/1/2007	Chủ tịch Ủy ban MTTQVN	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B	Mạ	01.003	4	3,33	0.2
8	Nguyễn Thị Khương		24/1/1982	xã Gia Hòa huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	30/12/2003	30/12/2004	Chủ tịch Hội Nông dân	2018-2023	12/12	Đại học Nông học	TC	CV	A	B		01.003	1	2,34	0.15
9	Bùi Nguyệt Minh		15/9/1982	xã Tân Cương huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Không	9/4/2009	9/4/2010	Chủ tịch Hội LHPN	2021-2026	12/12	Đại học Nông học	TC	CV	A	B		01.003	2/9	2,67	0.15
10	Bùi Văn Hoàng	4/2/1989		xã Yên Lập huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Không	07/5/2010	07/5/2011	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	2022-2027	12/12	Cao đẳng Quân sự	TC	CV	A	B		01.004	2	2,41	0.15
11	Đỗ Văn Nam	12/6/1989		xã Nam Tiến huyện Nam Trực tỉnh Nam Định	Kinh	Không	20/06/2010	20-06-2011	Bí thư Đoàn TNCS HCM	2022-2027	12/12	Đại học Nông học	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	2/9	2,67	0.15
12	Lê Hồ Thu Vân		2/2/1993	xã Cát Tường huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	03-02-2017	03-02-2018	Công chức Tài chính- Kế toán		12/12	Đại học Kế toán	TC	CV	B	B		01.003	2/9	2,67	
13	Nguyễn Văn Thành	12/4/1985		xã Quảng Khê huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Không	20/06/2008	20-06-2009	Chỉ huy trưởng BCHQS		12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	2/9	2,67	
14	Trần Văn Tuyển	10/7/1987		xã Trục Nội huyện Trục Ninh tỉnh Nam Định	Kinh	Không	05/02/2020	05-02-2021	Công chức Văn phòng Thống kê		12/12	Đại học Kinh tế	TC	CV	A	Chưa DT	Mạ	01.003	2/9	2,67	
15	Trương Văn Trinh	20/01/1985		xã Trục Nội huyện Trục Ninh tỉnh Nam Định	Kinh	Không	17/5/2012	17/5/2013	Công chức Văn hóa Xã hội		12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	3/9	3,00	
16	Vũ Thị Nga		20/06/1992	xã Trục Đạo huyện Trục Ninh tỉnh Nam Định	Kinh	Không	27/12/2016	27/12/2017	Công chức Văn hóa Xã hội		12/12	Đại học Văn hoá Học	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	2/9	2,67	
17	Phạm Thị Thanh Huyền		2/10/1981	xã Xuân Hòa huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định	Kinh	Không	3/12/2003	3/12/2004	Công chức Tư pháp - Hộ tịch		12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	4/9	3,33	
18	Đình Tiên Hoàng	24/05/1990		xã Sơn Lai huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	4/12/2010	4/12/2011	Công chức Địa chính Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường		12/12	Đại học QLDD	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	2/9	2,67	
19	Vũ Minh Hải	17/10/1982		xã Phương Định huyện Trục Ninh tỉnh Nam Định	Kinh	Không	19/5/2005	19/5/2006	Công chức Địa chính Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường		12/12	Đại học Nông học	TC	CV	B	B		01.003	3/9	3,00	
VI	Xã Tiên Hoàng (17/20)																				
1	Đào Văn Đại	10/3/1980		Xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	12/12/2002	12/12/2003	Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B		01.003	5/9	3.66	0.25
2	Nguyễn Đình Lập	15/6/1984		xã Gia Trăn - huyện Gia Viễn - tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	9/1/2008	9/1/2009	Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CVC	B	B	Mạ	01.003	4/9	3,33	0.25

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Chức vụ hiện nay	Nhiệm kỳ	Trình độ										
		Nam	Nữ				Ngày vào	Chính thức			Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc	Ngạch	Bậc	Hệ số	Phụ cấp chức vụ
3	Hà Văn Quang	19/4/1970		Xã Gia Minh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	2/3/2001	2/3/2002	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B		01.003	4/9	3.33	0.2
4	Lê Ngọc Lâm	2/8/1986		Xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.	Kinh	Không	10/10/2013	11/10/2014	Chủ tịch UBMTTQVN	2019-2024	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	2/9	2.67	0.2
5	Trần Thị Ánh		1/12/1982	Xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	3/2/2005	4/2/2006	Chủ tịch Hội Nông dân	2018-2023	12/12	Trung cấp Hành chính	TC	Chưa ĐT	Chưa ĐT	Chưa ĐT	Mạ	1,005	2/9	2.06	0.15
6	Nguyễn Vĩ Đại	16/5/1985		Xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	15/6/2008	16/6/2008	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	2022-2027	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	2/9	2.67	0.15
7	Dương Thị Dung		2/11/1991	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	7/2/2015	8/2/2016	Chủ tịch Hội LHPN	2021-2026	12/12	Đại học GDCT	CC	CV	A	B	Mạ	1,003	3/9	3,00	0.15
8	Nguyễn Văn Định	10/1/1992		Xã Gia Tiến , huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	1/8/2020	1/8/2021	Bí thư Đoàn TNCSHCM	2022-2027	12/12	Đại học GD thể chất	TC	Chưa ĐT	A	B		01.003	2/9	2.67	0.15
9	Đỗ Thị Điều		16/6/1995	xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	21/12/2017	21/12/2018	Công chức Văn phòng Thống kê		12/12	Đại học Quản lý nhà nước	Chưa ĐT	CV	B	B	Mạ	1,003	2/9	2,67	
10	Hà Thị Phương Luyến		13/3/1984	Xã Gia Minh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	2/9/2011	2/9/2012	Công chức Tư pháp - Hộ tịch		12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B		01.003	5/9	3.66	0.2
11	Lê Thị Lam		12/8/1991	xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Kinh	Không	01/7/2021	01/7/2022	Công chức Văn hóa Xã hội		12/12	Đại học Công tác xã hội	Chưa ĐT	CV	A	B		1,003	2/9	2,67	
12	Đinh Thị Hương Nga		1/5/1980	xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	20/11/2006	20/11/2007	Công chức Văn hóa Xã hội		12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		1,003	4/9	3,33	
13	Nguyễn Thị Hoa		1/8/1987	Xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Không	3/6/2013	3/6/2014	Công chức Văn phòng thống kê		12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	B	Mạ	1,004	4/9	3,03	
14	Phạm Ngọc Tuấn	22/11/1994		xã Nam Trục, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định	Kinh	Không	7/10/2019	7/10/2020	Công chức Địa chính Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường		12/12	Đại học Quản lý đất đai	Chưa ĐT	CV	A	B	Mạ	01.003	2/9	2,67	
15	Nguyễn Phương Quang	24/5/1991		xã Gia Hòa , huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	6/6/2013	6/6/2014	Chỉ huy trưởng BCHQS		12/12	Đại học Quân sự cơ sở	TC	Chưa ĐT	UDTT CB	B		1,003	2/9	2,67	
16	Trần Quốc Huy	8/6/1990		xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	27/12/2014	28/12/2015	Công chức Tư pháp hộ tịch		12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B		1,003	2/9	2,67	
17	Nguyễn Thị Tuyết Vân		9/11/1989	xã Tịnh Bắc huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	10/10/2011	10/10/2012	Công chức tài chính Kế toán		12/12	Đại học Kế toán	TC	CV	A	B		6,031	2/9	2.7	
VII	Xã Đức Phổ (18/18)																				
1	Nguyễn Bá Chiến	5/3/1971		Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.	kinh	không	7/3/1997	8/3/1998	Bí thư Đảng ủy	2020-2025	12/12	Đại học Luật Kinh tế	CC	CVC	B	B	Mạ	01003	8	4,65	0,3
2	Cao Xuân Nghiêm	5/12/1966		Phường Phổ Hòa - huyện Đức Phổ -tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	19/5/2006	19/5/2007	Phó bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HDND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CVC	A	B		01.003	5/9	3,66	0,25
3	Nguyễn Thị Đà		6/9/1984	Phường Phổ Vinh -huyện Đức Phổ -tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	19/5/2006	19/5/2007	Phó Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Nông học	TC	CV	A	Chưa ĐT	Mạ	01.003	4/9	3,33	0.2

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Chức vụ hiện nay	Nhiệm kỳ	Trình độ							Ngạch	Bậc	Hệ số	Phụ cấp chức vụ
		Nam	Nữ				Ngày vào	Chính thức			Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc				
4	Đỗ Thanh Vũ	13/2/1980		xã Phổ Cường - huyện Đức Phổ - tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	9/7/2011	9/7/2012	Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Thạc sỹ tài chính ngân hàng	CC	CVC	B	B	Mạ	01.003	5/9	3,66	0,25
5	Lê Doãn Lợi	29/10/1980		xã Đức Giang - huyện Đức Thọ - tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Không	19/5/2005	19/5/2006	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	2/9	2,67	0,20
6	Nông Thế Vận	10/8/1987		Xã Thăng Lợi, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Nùng	Không	2/3/2011	3/3/2012	Chủ tịch UBMTTQ VN	2022-2027	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01003	1/9	2.34	0,20
7	Nguyễn Văn Hòa	13/11/1981		Phường Phổ Cường, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	kinh	Không	3/2/2003	3/2/2004	Chủ tịch Hội Nông dân	2022-2027	12/12	Đại học Thú y	TC	Chưa ĐT	A	B		01003	1/9	2,34	0,15
8	Kim Thanh Vang	26/6/1979		Xã Hải Cát, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	kinh	Không	11/5/2002	12/5/2003	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	2022-2027	12/12	Trung cấp Hành chính	TC	Chưa ĐT	A	B		01004		2,86	0,15
9	Nguyễn Thị Việt Hà		7/7/1981	Xã Đồng Thịnh, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.	Mường	Không	31/1/2005	1/2/2006	Chủ tịch Hội LHPN	2022-2027	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01003	2/9	2,67	0,15
10	Nguyễn Thanh Tuấn	11/3/1993		Phường Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	9/2/2013	10/2/2014	Bí thư Đoàn TNCS HCM	2018-2023	12/12	Đại học Nông học	TC	Chưa ĐT	A	B		01003	1/9	2,34	0,15
11	Vũ Đình Đại	2/5/1984		Xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Kinh	Không	30/4/2007	30/4/2008	Chỉ huy trưởng BCHQS		12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01.003	3/9	3,00	
12	Lê Tiến Đàm	20/7/1981		Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	3/11/2010	3/11/2011	Công chức Văn phòng Thống kê		12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B		01003	4/9	3,33	
13	Trần Thị Xuân Thủy		10/12/1985	Xã Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	8/4/2014	8/4/2015	Công chức Tài chính - Kế toán		12/12	Đại học Kế toán	TC	CV	A	B	Mạ	01003	2/9	2,67	
14	Nguyễn Thành Huy	15/1/1977		xã Cát Thành huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định	Kinh	Không	29/12/2003	29/12/2004	Công chức Tư pháp -Hộ tịch		12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01003	5/9	3,66	
15	Đặng Thị Lua		24/1/1984	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	8/3/2014	9/3/2015	Công chức Văn hóa Xã hội		12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B		01003	5/9	3,66	
16	Phùng Văn Trạch	20/10/1969		xã Phổ Cường huyện Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	3/4/2022	3/4/2023	Công chức Văn hóa Xã hội		12/12	Đại học Kế toán	Chưa ĐT	CV	A	B		01003	5/9	3,66	
17	Phạm Thị Nở Phụng		18/4/1986	Xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	2/3/2011	3/3/2012	Công chức Văn phòng Thống kê		12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B		01003	3/9	3.00	
18	Nguyễn Ngọc Hùng	1/6/1987		xã Liên Sơn huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	3/10/2015	4/10/2016	Công chức Địa chính Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường		12/12	Đại học quản lý đất đai	TC	CV	B	B	Mạ	01003	2/9	2,67	
VIII Xã Phước Cát 2 (17/20)																					
1	Mai Bảo Xuyên	26/12/1965		Xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	8/3/2001	8/3/2002	Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Phát triển nông thôn và khuyến nông	TC	CVC	A	Chưa ĐT	Mạ	01.003	5/9	3,66	0.3
2	Nguyễn Thiện Mỹ	2/3/1967		Xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	25/4/2007	25/4/2008	Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CVC	B	B	Mạ	01.003	5/9	3.66	0.25
3	Long Văn Thụ	26/11/1983		Xã Ngọc Động, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Nùng	không	5/3/2010	6/3/2011	Phó Bí thư Đảng ủy	2020-2025	12/12	Đại học Phát triển nông thôn và khuyến nông	CC	CV	B	B	Mạ	01.003	5/9	3.66	0.3

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Chức vụ hiện nay	Nhiệm kỳ	Trình độ										
		Nam	Nữ				Ngày vào	Chính thức			Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc	Ngạch	Bậc	Hệ số	Phụ cấp chức vụ
4	Võ Thị Hồng Thương		2/8/1983	Xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	6/6/2014	6/6/2015	Phó Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	2/9	2.67	0.2
5	Trương Văn Xã	3/1/1965		Xã Cát Hiệp - huyện Phù Cát - tỉnh Bình Định	Kinh	Không	6/3/1999	6/3/2000	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học tài chính - kế toán	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	5/9	3.66	0.2
6	Đường Bình Độ	08/8/1987		Xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn	Nùng	Không	10/3/2014	11/3/2015	Chủ tịch Ủy ban MTTQVN	2019-2024	12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	B	B	Mạ	01.003	1/9	2.34	0.2
7	Thạch Văn Lập	05/7/1984		xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Nùng	Không	21/01/2005	21/01/2006	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	2022-2027	12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A		Mạ	01.003	1/9	2.34	
8	Lương Việt Hiệu	25/9/1993		Xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Nùng	Không	26/10/2018	27/10/2019	Bí thư Đoàn TNCS HCM	2022-2027	12/12	Đại học Lâm Nghiệp	TC	Chưa ĐT	B	B		01.003	2/9	2.67	0.15
9	Đặng Văn Phước	20/9/1986		xã Cát Nhơn huyện Phù Cát tỉnh Bình Định	Kinh	Không	4/6/2014	4/6/2015	Chủ tịch Hội Nông dân	2018-2023	12/12	Đại học CTXH	TC	Chưa ĐT	A	B	Mạ	01.003	1/9	2.34	0.15
10	Thạch Thị Xanh		6/9/1968	xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Nùng	Không	8/3/2011	9/3/2012	Chủ tịch Hội LHPN	2021-2026	9/12	Trung cấp Hành chính	SC	Chưa ĐT	A	B	Mạ	01.004	3/12	2.66	0.15
11	Đặng Minh Tâm	14/11/1990		Xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.	Kinh	Không	31/1/2014	31/1/2015	Chỉ huy trưởng BCHQS		12/12	Đại học QSCS	TC	CV	B	B	Mạ	01.004	3/12	2.72	
12	Nguyễn Hoàng Vỹ	28/3/1993		Xã Cát Minh huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	3/2/2020	3/2/2021	Công chức Tài chính - Kế toán		12/12	Đại học Tài chính ngân hàng	TC	CV	B	B	Mạ	06.013	2/9	2.67	
13	Chu Thị Ngọc		27/3/1992	Xã Ngọc Động, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Tày	Không	25/12/2016	25/12/2017	Công chức Văn phòng Thống kê		12/12	Đại học Quản lý nhà nước	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	2/9	2.67	
14	Nguyễn Thanh Tuấn	20/10/1980		Xã Cát Trinh huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	02/11/2013	02/11/2014	Công chức Địa chính Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường		12/12	Đại học Nông học	TC	CV	B	B	Mạ	01.003	2.9	2.67	
15	Lý Minh Hiến	01/06/1982		Thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.	Nùng	Không			Công chức Địa chính Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường		12/12	Đại học Kỹ thuật công trình xây dựng	Chưa ĐT	CV	A	B	Mạ	01.003	2/9	2.67	
16	Nguyễn Thị Hậu		11/7/1990	xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Kinh	Không	27/12/2016	27/12/2017	Công chức Văn hóa Xã hội		12/12	Đại học Văn hóa	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	3/9	3	
17	Đặng Văn Sang	01/01/1971		Xã Cát Hiệp huyện Phù Cát tỉnh Bình Định	Kinh	Không	3/9/2009	3/9/2010	Công chức Tư pháp hộ tịch		12/12	Đại học Luật	TC	CV	A	B	Mạ	01.003	4/9	3,33	
IX Xã Đồng Nai Thượng (16/20)																					
1	Điều K Giác	25/2/1969		xã Đồng Nai Thượng huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng	Mạ	Không	20/4/2002	20/4/2003	Bí thư Đảng ủy	2020-2025	12/12	Trung cấp Bảo vệ thực vật	TC	Chưa ĐT	A	B		01.005	2	2.85	0.5
2	Điều K Giá	2/7/1975		xã Đồng Nai Thượng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	Mạ	Công giáo	20/10/1999	20/10/2000	Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Trung cấp hành chính	TC	Chưa ĐT				01.005	5/12	2,66	0.25
3	Điều K Lôi	12/2/1981		xã Đồng Nai Thượng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	Mạ	Công giáo	17/02/2005	17/02/2006	Phó Chủ tịch HĐND	2021-2026	12/12	Trung cấp quân sự	TC	Chưa ĐT				01.005	8/12	3,26	0.20
4	Điều K' Viên	07/8/1983		xã Đồng Nai Thượng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	Châu Mạ	Không	03/5/2006	03/5/2007	Phó Bí thư Đảng ủy	2020-2025	12/12	Đại học Luật	CC	CV	B	B	Mạ	01.003	5/9	3.66	0.25

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Chức vụ hiện nay	Nhiệm kỳ	Trình độ										
		Nam	Nữ				Ngày vào	Chính thức			Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Quản lý nhà nước	Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc	Ngạch	Bậc	Hệ số	Phụ cấp chức vụ
5	Lê Quang Chương	17/8/1981		xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	16/6/2004	16/6/2005	Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Nông học	TC	CV	A	B	Mạ	01.005	7/12	3,06	0.25
6	Điền Thị Прот		27/7/1986	xã Đồng Nai Thượng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	Mạ	Công giáo	05/9/2009	05/9/2010	Phó Chủ tịch UBND	2021-2026	12/12	Đại học Lâm Nghiệp	TC	Chưa ĐT	A	B		01.003	2	2.67	0.2
7	Rơ Ông K Mhò		4/5/1988	huyện Đam Rông, Lâm Đồng	Chil	Công giáo	03/3/2014	03/3/2015	Chủ tịch UBMTTQVN	2019-2024	12/12	Đại học quản lý tài nguyên rừng	TC	Chưa ĐT	A	B			4/12	2,46	0.2
8	Điền K Bôi	15/6/1963 (7/2024 nghỉ hưu, 61 tuổi)		Xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Mạ	Không	23/10/2004	23/10/2005	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	2018-2023	9/12	Chưa ĐT	TC	Chưa ĐT	A			01.005	3/12	2.26	0.15
9	Nguyễn Quang Thiệp	8/12/1975		Xã Văn Vũ, huyện Na Ri, tỉnh Bắc Kạn	Tày	Không	22/12/2013	22/12/2014	Chủ tịch Hội Nông dân		12/12	Trung cấp Luật	TC	Chưa ĐT	A	B		01.005	9/12	3,46	0.15
10	Ka Rẹ		18/7/1978	xã Đồng Nai Thượng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	Châu Mạ	Tin lành	28/7/2017	28/7/2018	Chủ tịch Hội LHPN	2021-2026	12/12	Đại học Nông nghiệp	TC	Chưa ĐT	B	B		01.003	3/9	3,00	0.15
11	Điền K Viên	26/2/1990		xã Đồng Nai Thượng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	Châu Mạ	Công giáo	03/11/2017	03/11/2018	Bí thư Đoàn TNCS HCM	2022-2027	12/12	Đại học Luật	TC	Chưa ĐT	A	B		01.004	2/10	2,41	
12	Trần Thị Hồng Thắm		01/5/1984	xã Gia Hòa huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Kinh	Không	22/12/2008	22/12/2009	Công chức Tư pháp hộ tịch		12/12	Đại học Luật	TC	CV	B	B		01.003	4/9	3.33	
13	Điền K' Tâm	03/4/1988		thị trấn Cát Tiên, huyện cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.	Châu Mạ	Không	10/01/2017	10/01/2018	Công chức Văn phòng Thống kê		12/12	Đại học công tác xã hội	TC	CV	A	B		01.003	2/9	2.67	
14	Điền K Láy	20/10/1988		xã Đồng Nai Thượng, huyện cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.	Châu Mạ	Công giáo	22/12/2012	22/12/2013	Chỉ huy trưởng BCHQS		12/12	Trung cấp Quân sự	TC	Chưa ĐT	A			01.005	4/12	2,46	
15	Trần Thị Huyền Trân		15/9/1988	Xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Kinh	Không	03/10/2013	03/10/2013	Công chức Tài chính - Kế toán		12/12	Đại học Kế toán	SC	CV	B	B	Mạ	06.031	3/9	3	
16	Võ Ngọc Lễ	10/01/1982		xã Nghĩa Hiệp huyện Tư Nghĩa tỉnh Quảng Ngãi	Kinh	Không	17/12/2008	17/12/2009	Công chức Địa chính Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường		12/12	Đại học Nông học	TC	CV	B	B	Mạ	01.003	2/9	2.67	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐƯỢC ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, BIỆT PHÁI VỀ CẤP XÃ;
XÉT CHUYỂN CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ THÀNH CÔNG CHỨC CẤP XÃ; TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**
(Kèm theo Báo cáo số: 745 /BC-UBND ngày 07 /12/2023 của UBND huyện)

Biểu 5

STT	Đơn vị hành chính	Cán bộ			Công chức					Ghi chú
		Điều động	Luân chuyển	Biệt phái	Điều động từ ĐVHC cấp xã này sang ĐVHC cấp xã khác	Thi tuyển	Xét tuyển		Xét chuyển CB chuyên trách cấp xã thành công chức cấp xã	
							Quân sự	Khác		
1	Xã Quảng Ngãi		1							
2	Xã Gia Viễn	1							1	
3	Xã Tiên Hoàng	1								



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 6

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ,
NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ VÀ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

(Số liệu tính đến ngày 05/12/2023)

(kèm theo Báo cáo số: 45/BC-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện)

Stt	Chức vụ, chức danh	Tổng số	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Giới tính		Độ tuổi					Thời gian công tác				Thâm niên giữ chức vụ hiện tại				Nguồn cán bộ	
						Nam	Nữ	<= 30	31 - 40	41 - 45	46 - 50	51 - 60	< 5 năm	5 - 15	16 - 30	> 30	< 5 năm	5 - 10	11 - 15	16 - 30	Tại chỗ	Tăng cường
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Tổng số		620	380	138	32	466	154	75	239	125	89	92	282	330	8		322	296	2		611	9
I	Cán bộ chuyên trách	93	93	20	7	68	25	5	49	15	9	15	7	86			25	68			84	9
1	Bí thư Đảng ủy	2	2	1		2				1	1			2				2			1	1
2	Phó Bí thư Đảng ủy	7	7	2		6	1		3	2	1	1	1	6			3	4			6	1
3	Chủ tịch HĐND																					
4	Bí thư Đảng ủy kiêm CT HĐND	1	1			1					1			1				1			1	
5	Phó Bí thư Đảng ủy kiêm CT HĐND	7	7	1	2	7	0		1	2		4		7			3	4			7	
6	Phó Chủ tịch HĐND	8	8	1	1	4	4		6	1	1			8			1	7			8	
7	Chủ tịch UBND	4	4			4			2	2				4			3	1			3	1
8	Bí thư Đảng ủy kiêm CT UBND	5	5			5				2	1	2	2	3			3	2			0	5
9	Phó Chủ tịch UBND	14	14	1	1	9	5		10		3	1		14			5	9			13	1
10	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	9	9	4	1	7	2		6	1	1	1		9			2	7			9	
11	Bí thư Đoàn TNCSHCM	9	9	1	1	7	2	5	4				2	7			3	6			9	
12	Chủ tịch Hội LHPN	9	9	4	1		9		6	1		2		9				9			9	
13	Chủ tịch Hội Nông dân	9	9	1		7	2		7	2			2	7			2	7			9	
14	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	9	9	4		9			4	1		4		9				9			9	
II	Công chức	76	66	7	1	43	33	23	41	4	6	2	10	64	2		18	58			76	

Stt	Chức vụ, chức danh	Tổng số	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Giới tính		Độ tuổi					Thời gian công tác				Thâm niên giữ chức vụ hiện tại				Nguồn cán bộ	
						Nam	Nữ	<= 30	31 - 40	41 - 45	46 - 50	51 - 60	< 5 năm	5 - 15	16 - 30	> 30	< 5 năm	5 - 10	11 - 15	16 - 30	Tại chỗ	Tăng cường
1	Trưởng công an (k tính CA chính quy)																					
2	Chỉ huy trưởng quân sự	9	9	1	1	9		3	6					9			3	6			9	
3	Văn phòng - Thống kê	14	12	3		8	6	4	8	2			5	8	1		7	7			14	
4	ĐC-XD - ĐT và MT (phường, thị trấn) ĐC-NN-XD và MT (xã)	14	10	2		14		3	10			1	3	10	1		2	12			14	
5	Tài chính - Kế toán	10	10			2	8	7	2		1			10				10			10	
6	Tư pháp - Hộ tịch	13	12	1		6	7		7	2	4		2	11			3	10			13	
7	Văn hóa - Xã hội	16	13			4	12	6	8		1	1		16			3	13			16	
III	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	69	43	15	8	40	29	11	21	32	0	5	47	18	4		52	15	2		69	
1	Trưởng ban Tổ chức Đảng	Cán bộ, công chức kiêm nên không thống kê																				
2	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng																					
3	Trưởng ban Tuyên giáo	1	1			1		1					1				1				1	
4	Văn phòng Đảng ủy	6	3	1			6		1	5			4	2			4	2			6	
5	Phó Chủ tịch UBMTTQVN	5	3	1		5		1	2	2			4	2			5	1			6	
6	Phó Chủ tịch Hội Liên Hiệp Phụ nữ	4	3	2	1		4	1	3				2	2			4				4	
7	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	9	5	3	1	5	4		5	4			5	2	1		7	1			8	
8	Phó Bí thư ĐTNCS Hồ Chí Minh	3	2	1	1	2	1	3					4				1	3			4	
9	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	4	3	1	1	4				3		1	3	1			2	2			4	
10	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	7	3	1	1	4	3			4		3	3	3	1		5	1	1		7	
11	Chủ tịch Hội Chữ Thập đỏ	6	4	1	1	2	4	1	3	2			4	3			5	2			7	
12	Phó Chỉ huy trưởng quân sự	9	8	2	1	9		1	3	5			7	1			6	2			8	
13	Văn thư - lưu trữ, thủ quỹ	7	5	1	1		7	2	2	3			5	1	1		7				7	
14	Phụ trách đài truyền thanh, quản lý nhà văn hóa	8	3	1		8		1	2	4		1	5	1	1		5	1	1		7	

Stt	Chức vụ, chức danh	Tổng số	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Giới tính		Độ tuổi					Thời gian công tác				Thâm niên giữ chức vụ hiện tại				Nguồn cán bộ	
						Nam	Nữ	<= 30	31 - 40	41 - 45	46 - 50	51 - 60	< 5 năm	5 - 15	16 - 30	> 30	< 5 năm	5 - 10	11 - 15	16 - 30	Tại chỗ	Tăng cường
IV	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	382	178	96	16	315	67	36	128	74	74	70	218	162	2	0	227	155	0	0	382	
1	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	57	57	16	4	39	18	1	19	16	6	15	37	20			35	22			57	
2	Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố	52	30	13	2	49	3	3	11	6	11	21	25	25	2		27	25			52	
3	Phó Trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố	23	5	10	1	23		3	7	9	4		23				23				23	
4	Trưởng ban công tác mặt trận	55	32	17	1	43	12	11	14	11	14	5	27	28			36	19			55	
5	Thôn, tổ đội trưởng	42	20	6	1	42		13	22	7			18	24			18	24			42	
6	Công an viên	39	16	17	1	39			21	7	7	4	18	21			18	21			39	
7	Bảo vệ dân phố	79	15	12	4	79		5	14	16	19	25	40	39			40	39			79	
8	Nhân viên y tế thôn	35	3	5	2	1	34		20	2	13		30	5			30	5			35	

**THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ,
NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ VÀ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

(Số liệu tính đến ngày 05/12/2023)

(kèm theo Báo cáo số: 445.../BC-UBND ngày 08.../12/2023 của UBND huyện)

Stt	Chức vụ, chức danh	Tổng số	Trình độ văn hóa			Trình độ chuyên môn						Trình độ lý luận chính trị					Quản lý Nhà nước					Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc	An ninh quốc phòng	Ghi chú
			Tiểu học	THCS	THPT	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân	Chưa qua bồi dưỡng	Cán sự	Chuyên viên	Chuyên viên chính	Chuyên viên cao cấp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
Tổng số		620	52	179	389	306	20	93	8	190	3	323	68	218	11		491		110	18		204	181	77	244	
I	Cán bộ chuyên trách	93	0	1	92	1	0	11	1	77	3	0	1	81	11	0	23	0	52	18	0	89	78	40	84	
1	Bí thư Đảng ủy	2			2			1		1				1	1		1			1		2	2	2	2	
2	Phó Bí thư Đảng ủy	7			7					7				5	2				4	3		6	6	4	7	
3	Chủ tịch HĐND																									
4	Bí thư Đảng ủy kiêm CT HĐND	1			1					1					1					1		1	1	1	1	
5	Phó Bí thư Đảng ủy kiêm CT HĐND	7			7			1		6				6	1		1		1	5		7	7	3	7	
6	Phó Chủ tịch HĐND	8			8			1		7				7	1		1		7			7	7	4	7	
7	Chủ tịch UBND	4			4					3	1			4					2	2		4	4	3	4	
8	Bí thư Đảng ủy kiêm CT UBND	5			5					4	1			2	3					5		5	5	4	5	
9	Phó Chủ tịch UBND	14			14					13	1			13	1		1		12	1		14	14	4	14	
10	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	9			9			1		8				9			5		4			9	8	2	8	
11	Bí thư Đoàn TNCSHCM	9			9					9				9			1		8			9	7	5	8	
12	Chủ tịch Hội LHPN	9			9			2		7			1	7	1		3		6			9	6	5	5	
13	Chủ tịch Hội Nông dân	9			9			2		7				9			4		5			9	6	1	7	
14	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	9		1	8	1		3	1	4				9			6		3			7	5	2	9	
II	Công chức	76	0	0	76	0	0	3	1	72	0	6	7	63	0	0	18	0	58	0	0	76	67	31	74	
1	Trưởng công an (không tính CA chính quy)																									
2	Chỉ huy trưởng quân sự	9			9			1		8				9			7		2			9	9	2	9	
3	Văn phòng - Thống kê	14			14			1		13		1	3	10			3		11			14	6	5	14	
4	ĐC-XD - ĐT và MT (phường, thị trấn) ĐC-NN-XD và MT (xã)	14			14			1		13		2	1	11			5		9			14	13	9	14	
5	Tài chính - Kế toán	10			10				1	9		0		10			1		9			10	10	5	10	

Stt	Chức vụ, chức danh	Tổng số	Trình độ văn hóa			Trình độ chuyên môn					Trình độ lý luận chính trị					Quản lý Nhà nước					Tin học	Ngoại ngữ	Tiếng dân tộc	An ninh quốc phòng	Ghi chú	
			Tiểu học	THCS	THPT	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân	Chưa qua bồi dưỡng	Cán sự	Chuyên viên	Chuyên viên chính						Chuyên viên cao cấp
6	Tư pháp - Hộ tịch	13			13					13		1	1	11					13			13	13	2	13	
7	Văn hóa - Xã hội	16			16					16		2	2	12			2		14			16	16	8	14	
III	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	69	1	6	62	16	1	10	6	36		23	9	37	0		68		0	0		38	35	6	24	
1	Trưởng ban Tổ chức Đảng	Cán bộ, công chức kiêm nên không thống kê																								
2	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng																									
3	Trưởng ban Tuyên giáo	1			1					1				1			1					1	1			
4	Văn phòng Đảng ủy	6			6	0		1		5		2		4			6					6	6	2	4	
5	Phó Chủ tịch UBNDTTQVN	5			5	2				3		1	1	3			5					2	2	2	2	
6	Phó Chủ tịch Hội Liên Hiệp Phụ nữ	4			4	1				3				4			4					3	3		2	
7	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	9			9			1		8		3		6			9					7	8	1	2	
8	Phó Bí thư ĐTNCS Hồ Chí Minh	3			3	2			1			3					3					1				
9	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	4		1	3	3				1		3	1				4					1			4	
10	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	7	1	3	3	5	1	1				2	3	2			7					1	1			
11	Chủ tịch Hội Chữ Thập đỏ	6			6			3	1	2		2	2	2			5					3	3			
12	Phó Chỉ huy trưởng quân sự	9			9				2	7				9			9					5	3		8	
13	Văn thư - lưu trữ, thủ quỹ	7			7	1		1	1	4		4		3			7					6	6	1	2	
14	Phụ trách đài truyền thanh, quản lý nhà văn hóa	8		2	6	2		3	1	2		3	2	3			8					2	2			
IV	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, TDP	382	51	172	159	289	19	69	0	5		294	51	37	0		382					1	1		62	
1	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	57	7	27	23	42	3	10		2		20	24	13			57					1	1		17	02 Phó Chủ tịch UBND xã kiêm
2	Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố	52	4	32	16	38	1	11		2		32	3	17			52									
3	Phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố	23	1	18	4	23						23					23								1	
4	Trưởng ban công tác mặt trận	55	6	28	21	40		15				42	6	7			55								14	
5	Thôn, tổ đội trưởng	42	1	12	29	29		12		1		30	12				42								19	
6	Công an viên	39	2	12	25	22		17				33	6				39								9	
7	Bảo vệ dân phố	79	30	28	21	67	12					79					79								2	
8	Nhân viên y tế thôn	35		15	20	28	3	4				35					35									



Biểu mẫu số 4.1 Báo cáo số lượng, chất lượng thành viên UBND các cấp
(kèm theo Báo cáo số 44/BC-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện)

TT	Cấp chính quyền và chức danh	Tổng số	Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Trong đó		Ủy viên Ban chấp hành	Ủy viên Ban thường vụ	Trình độ đào tạo																Theo độ tuổi					Tái cử	Luân chuyển	Ghi chú							
											Học vấn phổ thông		Chuyên môn nghiệp vụ						Chính trị			Tin học		Ngoại ngữ				Quản lý nhà nước													
Trung học phổ thông	Trung học cơ sở	Tiểu học	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Cử nhân	cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Sơ cấp	Đại học trở lên	Chứng chỉ	Tiếng anh	Ngoại ngữ khác	Chứng chỉ tiếng dân tộc	Chưa qua đào tạo	Qua đào tạo	Từ 30 tuổi trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 55	Từ 56 trở lên															
TỔNG		56	5	56	1	1	43	13	56				9	46	0	1			18	38		0			56			28			23	16	8	1	26	20	9		48	7	
I	Cấp huyện	15	1	15			11	4	15				6	9					13	2					15			14			15	0			3	8	4		14	0	
1	Chủ tịch	1		1				1	1				1						1						1			1			1				1						
2	Phó Chủ tịch	2		2			1	1	2					2					2						2			2			2				1	1		2			
3	Ủy viên	12	1	12			10	2	12				5	7					10	2					12		12	11			12				3	6	3		11		
II	Cấp xã	41	4	41	1	1	32	9	41				3	37	0	1			5	36					41		14			8	16	8	1	23	12	5		34	7		
1	Chủ tịch	9		9				9	9				2	7					4	5					9		9	7			7	2			2	5	2		3	6	
2	Phó Chủ tịch	14	4	14	1	1	14		14				1	13					1	13					14		14	4			1	12	1		10	3	1		13	1	
3	Ủy viên	18		18			18		18					17		1				18					18		18	3			2	7	1	11	4	2		18		Ủy viên là Công an chính quy theo pháp luật chuyên ngành không yêu cầu về quản lý nhà nước, do đó mục này không thống kê về công an	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu số 4.2 Báo cáo số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã
(kèm theo Báo cáo số 145/BC-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện)

STT	Tên ĐVHC	Diện tích (km2)	Dân số (Người)	Phân loại ĐVHC	Loại đô thị	Xã miền núi	Xã vùng cao	Xã hải đảo	Xã biên giới	Xã AT K	Xã nông thôn mới	Xã đặc biệt khó khăn
I	Huyện	426.71	36.252	III								
1	Thị trấn Phước Cát	17.07	6.925	I	x							
2	Thị trấn Cát Tiên	20.41	9.495	I	x							
3	Xã Quảng Ngãi	21.56	2.921	II		x					x	
4	Xã Nam Ninh	36.16	3.003	II		x					x	
5	Xã Đức Phổ	11.56	2.542	III		x					x	
6	Xã Phước Cát 2	149	2.746	II		x					x	
7	Xã Gia Viễn	28.47	4.045	I		x					x	
8	Xã Đồng Nai Thượng	89.39	1.852	II		x					x	
9	Xã Tiên Hoàng	53.45	2.723	II		x					x	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu số 4.3 Báo cáo số lượng thôn, tổ dân phố và cán bộ, công chức; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố
(Kèm theo Báo cáo số: 4.3/BC-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện)

STT	Tỉnh/Thành phố	Thôn, Tổ dân phố			Cán bộ, công chức cấp xã			Người hoạt động không chuyên trách		Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	Ghi chú
		Tổng số	Thôn	Tổ dân phố	Tổng số	Cán bộ	Công chức	Cấp xã	Ở thôn, tổ dân phố		
I	Huyện Cát Tiên	59	38	21	169	93	76	69	164	218	
1	Thị trấn Phước Cát	8		8	19	10	8	8	22	28	
2	Thị trấn Cát Tiên	13		13	22	11	11	8	37	64	
3	Xã Phước Cát 2	5	5		17	10	7	9	13	21	
4	Xã Đức Phổ	5	5		18	10	8	6	12	20	
5	Xã Đồng Nai Thượng	5	5		16	11	5	8	15	17	
6	Xã Tiên Hoàng	5	5		17	8	9	10	14	20	
7	Xã Gia Viễn	8	8		22	11	11	7	23	18	
8	Xã Quảng Ngãi	4	4		20	11	9	7	10	12	
9	Xã Nam Ninh	6	6		19	11	8	6	18	18	



Biểu mẫu số 4.4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ
NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**
(kèm theo Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện)

STT	Tỉnh/Thành phố	Tổng số	Nữ	Ngoài Đảng	Trình độ chuyên môn				Trình độ lý luận chính trị				Ghi chú
					Sơ cấp, chưa qua đào tạo	Trung cấp, Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	Sơ cấp, chưa qua đào tạo	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân	
1	Cán bộ cấp xã	93	25		1	12	77	3	1	81	11		
2	Công chức cấp xã	76	33	4		4	72		13	63			
3	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã	69	29	26	17	16	36		32	37			
4	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân p	164	33	45	124	36	4	0	127	37			
5	Người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố	218	34	159	184	33	1	0	218				
	Tổng số	620	154	234	326	101	190	3	391	218	11	0	